

Bản án số: **213/2025/HSPT**

Ngày: 18/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú

+ Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Văn Chương

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Từ Khánh Duy - Thư ký Toà án,
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thúy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1196/2024/HSPT ngày 30/12/2024 do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị Tuấn A đối với bản án hình sự sơ thẩm số 328/2024/HSST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Bị cáo kháng cáo: Trần Thị Tuấn A, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nữ; HKTT và chỗ ở: khu phố A phường P, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Công Q và bà Đỗ Thị B; Bị cáo có chồng là Nguyễn Minh Đ; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 303 lập ngày 17/4/2024; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có người bị hại là Công ty T2; trụ sở: Tầng A tòa nhà M, số B phố T, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Công Q, sinh năm 1958; ĐKKHKT và nơi ở: Số A phố T, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hà Đông thì vụ án có nội dung như sau:

Khoảng đầu năm 2020, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên Trần Thị Tuấn A sử dụng facebook “Anh T” truy cập vào hội nhóm vay tiền trên mạng xã

hội facebook để tìm hiểu, nghiên cứu (Tuấn A không nhớ tên các hội nhóm). Tuấn A được biết có cách làm giả hồ sơ để vay tiền qua thẻ tín dụng nên đã đăng tin bài cần tìm hỗ trợ vay vốn. Sau đó, có tài khoản zalo tên “Phuong Thảo” kết bạn với tài khoản zalo tên “Anh M” của Tuấn A (Tuấn A không biết số điện thoại của người này) để xin hỗ trợ. Qua nói chuyện, người này hướng dẫn Tuấn A mua hồ sơ giả mang tên người khác để làm thẻ tín dụng, gồm: 01 Chứng minh nhân dân 09 số, 01 đơn xác nhận công tác (có dấu đỏ) kèm theo 01 sim điện thoại, Tuấn A chỉ cần thay ảnh của mình vào Chứng minh nhân dân 09 số để giả mạo người đứng tên trên ảnh Chứng minh nhân dân rồi mang hồ sơ làm thủ tục đăng ký mở thẻ tín dụng, sau khi được cấp thẻ thì rút số tiền trong thẻ để chiếm đoạt; giá một bộ hồ sơ là 2.000.000 đồng.

Do ngày 09/4/2019, Tuấn A đã từng làm thẻ tín dụng tại Công ty T2 (gọi tắt là Công ty T2) nên nảy sinh mua bộ hồ sơ giả đến Công ty T2 để vay vốn. Đầu tháng 7 năm 2020, Tuấn A liên hệ với zalo tên “Phuong Thảo” đặt mua 01 bộ hồ sơ giả để làm thẻ tín dụng với giá 2.000.000 đồng. Vài ngày sau, Tuấn A nhận được 01 phong bì do một người làm dịch vụ vận chuyển gửi đến (không biết tên, tuổi, địa chỉ người này), bên trong có bộ hồ sơ giả gồm: 01 Chứng minh nhân dân số 125543294 mang tên Đào Thị Hương M1, sinh năm 1992, trú tại: xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh do Công an tỉnh B cấp ngày 09/8/2011; 01 đơn xin xác nhận công tác tại Công ty Cổ phần X có dấu đỏ, kèm 01 sim điện thoại số 0943.830.692. Tuấn A bóc lớp ép plastic Chứng minh nhân dân ra rồi thay ảnh của mình vào. Ngày 13/7/2020, Tuấn A mang bộ hồ sơ trên đến Công ty T2 để làm hồ sơ vay, đứng tên khách hàng Đào Thị Hương M1. Tại đây, Tuấn A gặp anh Khuất Đình V là nhân viên của Công ty T2, anh V tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh Chứng minh nhân dân và đơn xác nhận công tác rồi hướng dẫn Tuấn A làm thủ tục kê khai Đơn đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ vay với hạn mức 15.000.000 đồng. Sau khi làm xong thủ tục, anh V trả lại Chứng minh nhân dân và đơn xin xác nhận công tác cho Tuấn A. Khoảng sau 02 ngày, Tuấn A được cấp 01 thẻ tín dụng mang tên Đào Thị Hương M1 với hạn mức 15.000.000 đồng. Sau khi thẻ được kích hoạt, từ ngày 15/7/2020 đến ngày 17/7/2020, Tuấn A mang thẻ đến cây ATM Ngân hàng M2 tại địa chỉ B ở gần Chung cư C, khu đô thị X, quận H, thành phố Hà Nội thực hiện 05 lệnh rút tiền được 14.100.000 đồng, ngày 24/8/2020 rút tại VT18 BT8 Khu đô thị X, quận H, thành phố Hà Nội 300.000 đồng, tổng rút được 14.400.000 đồng còn lại 600.000 đồng Tuấn A không rút được. Số tiền trên, Tuấn A đã chi tiêu cá nhân hết.

Đầu tháng 8 năm 2020, Tuấn A đặt mua của tài khoản zalo tên “Phuong Thảo” 01 bộ hồ sơ để để vay thẻ tín dụng với giá 2.000.000 đồng. Vài ngày sau, Tuấn A nhận được 01 phong bì do một người làm dịch vụ vận chuyển gửi đến (không biết tên, tuổi, địa chỉ người này), bên trong có bộ hồ sơ giả gồm: 01 Chứng minh nhân dân số 184315536 mang tên Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1997, trú tại: xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh do Công an tỉnh H cấp ngày 10/12/2014; 01 đơn xin xác nhận công tác tại Công ty TNHH MTV N có dấu đỏ kèm 01 sim điện thoại số 0936.511.597. Tuấn A bóc lớp ép plastic

của Chứng minh nhân dân, thay ảnh Tuấn A vào. Ngày 09/8/2020, Tuấn A mang bộ hồ sơ trên đến Công ty T2 để làm hồ sơ vay, đứng tên khách hàng Nguyễn Thị Ngọc Á. Tuấn A gặp anh Nguyễn Tuấn H là nhân viên của Công ty T2, anh H tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh Chứng minh nhân dân và đơn xác nhận công tác rồi hướng dẫn Tuấn A làm thủ tục kê khai Đơn đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ vay với hạn mức 15.000.000 đồng. Sau khi làm xong thủ tục, anh H trả lại Chứng minh nhân dân và đơn xin xác nhận công tác cho Tuấn A. Khoảng 02 ngày sau, Tuấn A được cấp 01 thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng. Sau khi thẻ được kích hoạt, trong ngày 11/8/2020, Tuấn A mang thẻ đến cây ATM M2 28B ở gần Chung cư C, khu đô thị X, quận H, thành phố Hà Nội thực hiện 05 lệnh rút tiền được 15.000.000 đồng. Tuấn A đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Tháng 11 năm 2023, Công ty T2 nhận được phản ánh của chị Nguyễn Thị Ngọc Á về việc chị Á không đăng ký hồ sơ mở thẻ tín dụng nhưng nhận được thông báo nợ của Công ty T2. Công ty T2 tiến hành rà soát, kiểm tra phát hiện hình ảnh người mở thẻ tín dụng đứng tên Nguyễn Thị Ngọc Á và Đào Thị Hương M1 giống hình ảnh của Trần Thị Tuấn A trong bộ hồ sơ Tuấn A vay tiền của Công ty T2 vào ngày 09/4/2019. Ngày 20/11/2023, đại diện Công ty T2 gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H về việc Trần Thị Tuấn A lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng là hồ sơ và sim điện thoại Tuấn A đã sử dụng để mở 02 thẻ tín dụng tại Công ty V1 đứng tên Đào Thị Hương M1 và Nguyễn Thị Ngọc Á do Tuấn A đã vứt bỏ.

Tiến hành giám định chữ viết, chữ ký tại các tài liệu trong hồ sơ mở thẻ tín dụng tên chủ thẻ Đào Thị Hương M1 và Nguyễn Thị Ngọc Á, tại Kết luận giám định số 1969/KL-KTHS ngày 19/3/2024 của Phòng K - Công an thành phố H, kết luận:

- Chữ viết tại các mục: “A. Thông tin cá nhân”, “B. Thông tin nghề nghiệp”, “C. Người liên hệ khi cần” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, đến A4) với chữ viết đứng tên Trần Thị Tuấn A trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) là chữ do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đào Thị Hương M1 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) với chữ ký, chữ viết đứng tên Đào Thị Hương M1 do Trần Thị Tuấn A ký ra trên các mẫu so sánh (ký hiệu M4) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Ngọc Á dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A4 đến A7) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Ngọc Á do Trần Thị Tuấn A ký ra trên mẫu so sánh (ký hiệu M5) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Khám xét nơi ở của Trần Thị Tuấn A, không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Cơ quan điều tra làm việc với chị Nguyễn Thị Ngọc Á và chị Đào Thị Hương M1, chị Á trình bày trước đây chị Á có sử dụng Chứng minh nhân dân số 184315536 do Công an tỉnh H cấp nhưng đã bị mất. Chị M1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, qua lời khai của bà Đỗ Thị H1 (sinh năm 1963, trú tại: Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh) mẹ đẻ của chị M1 thể hiện trước đây chị M1 có sử dụng Chứng minh nhân dân số 125543294 nhưng đã bị mất.

Công văn số 237/PC06-Đ6 ngày 03/8/2024 của Phòng CSQLHC về TTXH Công an tỉnh B thể hiện: CMND số 125543294 cấp ngày 06/11/2009 cho công dân Đào Thị Hương M1, sinh ngày 03/6/1992 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nguyên quán: huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKH thường trú: xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Công văn số 728/PC06-Đ6 ngày 08/10/2024 của Phòng CSQLHC về TTXH Công an tỉnh H thể hiện: Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 15/10/1997, nguyên quán: thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được Công an tỉnh H cấp Chứng minh nhân dân số 184315536 cấp ngày 22/11/2014.

Tại biên bản làm việc với Công ty Cổ phần X thể hiện: Từ trước đến nay và tại thời điểm tháng 7 năm 2020, Công ty không có nhân viên nào tên Đào Thị Hương M1, sinh năm 1992, trú tại: xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Công ty không xác nhận “Đơn xin xác nhận công tác” cho Đào Thị Hương M1 đề ngày 10/7/2020.

Công văn số 365/NSHN-TCĐT ngày 06/02/2024 của Công ty TNHH MTV N và tại Biên bản xác minh tại Công ty T3: Từ trước đến nay và tại thời điểm tháng 8 năm 2020, Công ty không có cán bộ công nhân viên nào tên Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1997, HKTT: xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; trú tại: C, khu đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; thời điểm 08/8/2020, ông Trần Quốc H2 đã được bổ nhiệm là Tổng giám đốc Công ty; Công ty không xác nhận “Đơn xin xác nhận công tác” cho Nguyễn Thị Ngọc Á đề ngày 08/8/2020.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình Tuấn A đã bồi thường cho Công ty T2 số tiền 29.400.000 đồng, đại diện Công ty đã nhận số tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 328/2024/HSST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Tuấn A 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Tuấn A 02 (hai) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, trong đơn kháng cáo đề ngày 28/11/2024, bị cáo Trần Thị Tuấn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng giấy tờ tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đã tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới để có thể xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị Tuấn A. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 328/2024/HSST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Tuấn A 02 (hai) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; 06 (sáu) tháng

tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo là còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo thừa nhận thực hiện các hành vi như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trần Thị Tuấn A nảy sinh ý định làm giả hồ sơ để vay tiền bằng hình thức thẻ tín dụng rồi chiếm đoạt. Thông qua mạng xã hội zalo, Tuấn A mua 02 bộ hồ sơ, mỗi bộ hồ sơ có: 01 Chứng minh nhân dân, 01 đơn xin xác nhận công tác, 01 sim điện thoại. Tuấn A thay ảnh của mình vào Chứng minh nhân dân rồi mang hồ sơ mang đến Công ty T2 để làm thủ tục mở thẻ tín dụng. Cụ thể:

- Ngày 13/7/2020, Tuấn A mang hồ sơ giả mang tên Đào Thị Hương M1 đến Công ty T2 làm thủ tục mở thẻ tín dụng, được duyệt mở thẻ tín dụng số tài khoản thẻ 21351455 hạn mức 15.000.000 đồng và được cấp 01 thẻ tín dụng số 9704608871670113. Tuấn A đã rút được số tiền 14.400.000 đồng.

- Ngày 09/8/2020, Tuấn A mang hồ sơ giả mang tên Nguyễn Thị Ngọc Á đến Công ty T2 làm thủ tục mở thẻ tín dụng, được duyệt mở thẻ tín dụng số tài khoản thẻ 21366566 hạn mức 15.000.000 đồng và được cấp 01 thẻ tín dụng số 9704608871752705. Tuấn A đã rút được số tiền 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền Tuấn A chiếm đoạt của Công ty T2 là 29.400.000 đồng. Sau mỗi lần rút được tiền, Tuấn A đều tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo Tuấn A có nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tổng số 29.400.000 đồng của bị hại nên hành vi của bị cáo thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định

tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo khai đặt mua tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (02 Chứng minh nhân dân và 02 đơn có xác nhận và đóng dấu của 02 công ty) từ một tài khoản zalo tên “Phuong Thảo”, nhưng sau khi sử dụng bị cáo đã vứt bỏ không thu giữ được, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu nào khác để chứng minh nên không có cơ sở xem xét xử lý bị cáo về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, bị cáo phải mua tài liệu của tài khoản zalo “Phuong T1” với số tiền 2.000.000 đồng/bộ, đã được chứng minh là giả; bị cáo tự mình thay ảnh Chứng minh nhân dân là ảnh của bị cáo, thể hiện bị cáo biết rõ là tài liệu giả; bị cáo sử dụng tài liệu giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là tội phạm ít nghiêm trọng, nên hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo thỏa mãn cấu thành tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho hành vi phạm tội của bị cáo như: Bị cáo 02 lần sử dụng tài liệu giả để mở thẻ tín dụng, nhiều lần thực hiện lệnh rút tiền với số tiền chiếm đoạt đã nêu ở trên nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với cả hai tội. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là Liệt sỹ; 02 con của bị cáo còn nhỏ, đặc biệt là con thứ hai mới 09 tháng tuổi nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với 02 tội. Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã tác động gia đình trả toàn bộ tiền chiếm đoạt cho bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy mức hình phạt tù tòa án cấp sơ thẩm đưa ra đã tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Về án phí: Do bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 328/2024/HSST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1.1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt: khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Tuấn A 02 (hai) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136- Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, Chi cục THADS, TAND Q. Hà Đông TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người BH
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú